

**Kính gửi :      ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị niêm yết: Công ty Cổ phần Thương Mại Hóc Môn

Mã chứng khoán: HTC

Địa chỉ: Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: +84 (8)38915294 – 3891 3942, Fax: +84 (8)38910457.

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2015 của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn xin đính chính thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tập đoàn đã được kiểm toán như sau:

Thông tin điều chỉnh trình bày tại trang 10 – Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu: **"Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết"** như sau:

- + Thông tin đã Công bố: Mã số 45 - Lợi nhuận/lỗ của công ty liên kết, liên doanh
- + Thông tin đính chính: Mã số 24 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

Nguyên nhân: sai sót khi xử lý văn bản. Việc điều chỉnh trình bày này không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

Trên đây là thông tin đính chính Cổ phần Thương mại Hóc Môn về thông tin sai sót đã công bố. Xin đính chính Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán và các nhà đầu tư được biết.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN**



**LÊ VĂN MỸ**

**Phần xác nhận của**

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES):**

Chúng tôi xác nhận việc đính chính thông tin của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn về vấn đề nêu trên là hoàn toàn phù hợp với số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tập đoàn đã được chúng tôi kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2016.

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐỖ THỊ HƯƠNG**

**Nơi nhận :**

- *Như trên*
- *Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt*
- *Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn*





**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                  | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước              |
|-------|-----------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| 1     | 2                                                         | 3           | 4                        | 5                      |
| 01    | <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          |             | <b>1.253.297.428.106</b> | <b>915.021.777.518</b> |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ                                     |             | 11.769.219               | 16.258.732             |
| 10    | <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | VI.1        | <b>1.253.285.658.887</b> | <b>915.005.518.786</b> |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                       | VI.2        | 1.163.344.641.751        | 832.059.387.962        |
| 20    | <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   |             | <b>89.941.017.136</b>    | <b>82.946.130.824</b>  |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | VI.3        | 6.115.502.013            | 5.462.856.831          |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                                      | VI.4        | 106.830                  | (282.393.109)          |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                               |             | -                        | 37.866.667             |
| 24    | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết    |             | 2.801.557                | 39.649.662             |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                       | VI.5        | 31.202.963.549           | 26.870.845.221         |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | VI.6        | 20.224.221.443           | 18.159.510.094         |
| 30    | <b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        |             | <b>44.632.028.884</b>    | <b>43.700.675.111</b>  |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                         | VI.7        | 360.187.591              | 7.118.324.796          |
| 32    | 13. Chi phí khác                                          | VI.8        | 39.688.597               | 948.961.257            |
| 40    | <b>14. Lợi nhuận khác</b>                                 |             | <b>320.498.994</b>       | <b>6.169.363.539</b>   |
| 50    | <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>              |             | <b>44.952.527.878</b>    | <b>49.870.038.650</b>  |
| 51    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành          | VI.9        | 9.294.150.282            | 12.025.136.218         |
| 52    | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại           | VI.10       | 801.299.868              | (576.493.509)          |
| 60    | <b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>       |             | <b>34.857.077.728</b>    | <b>38.421.395.941</b>  |
|       | - Lợi ích của cổ đông thiểu số                            |             | -                        | -                      |
|       | - Lợi nhuận sau thuế thu nhập của cổ đông của công ty mẹ  |             | 34.857.077.728           | 38.421.395.941         |
| 70    | <b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>                   | VI.11       | <b>5.223</b>             | <b>5.765</b>           |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**VÕ THỊ KIM NGÂN**

**VÕ THỊ KIM NGÂN**

**LÊ VĂN MỸ**